

Bản án số: 166/2024/HS-PT

Ngày: 05-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thương Huyền

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2024/HSPT ngày 23 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo Phạm Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1987 tại tỉnh S; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh S; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Tài xế xe G; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Công T1 (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); Có vợ Văn Thị T2 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2023 (Có mặt)

Người bào chữa: Ông Trần Hoàng D, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 7 năm 2023, Phạm Văn T quen biết bà Văn Thị Cẩm N khi T làm tài xế xe grab chở bà N. T nhiều lần nhắn tin, làm quen với bà N. Đến ngày

30/7/2023, T chở bà N đi Vũng Tàu bằng xe ô tô Mazda 2 biển số 83E-00621, cả hai thuê phòng tại khách sạn R địa chỉ đường P, phường B, thành phố V, tỉnh R. Tại đây, T và N quan hệ tình dục. T đã bí mật dùng điện thoại quay lại cảnh quan hệ tình dục của 02 người. Đến ngày 31/7/2023, T dùng Zalo có tên “Phạm T” nhắn tin mượn tiền bà N. Bà N không đồng ý. T gửi cho bà N những hình ảnh được chụp từ video T đã lén quay lại, yêu cầu bà N đưa T số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Sau khi thương lượng bà N đồng ý đưa cho tài số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. N hẹn gặp T tại quán C tại địa chỉ số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để đưa tiền. Đến 18 giờ ngày 07/8/2023, tại quán C địa chỉ số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, khi T vừa nhận số tiền 200.000.000 đồng từ bà N thì bị Công an Quận 7 bắt quả tang. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2023.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình cảm ứng, số Imei: 3572210367118282 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong)

- 01 xe ô tô hiệu Mazda 2, màu trắng biển số 83E-006.21, đã qua sử dụng (không rõ tình trạng bên trong xe).

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy S9, màu tím, màn hình cảm ứng, số Imei: 355220090343018 đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy màu trắng một bên màu đỏ, một bên màu trắng.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) đồng hồ thông minh Apple Watch màu đen, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 065 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2024, bị cáo Phạm Văn T có làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn T trình bày: Bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền là 195.000.000 đồng của bị hại, lúc bị cáo mới bị bắt thì bị hại đã tự ý bỏ thêm vào 5.000.000 đồng cho đủ 200.000.000 đồng nên Bản án sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 200.000.000 đồng là chưa chính xác. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị giao trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng và chiếc xe ô tô hiệu Mazda 2, biển số 83E-006.21, vì chiếc điện thoại và chiếc xe ô tô này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp, không nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T trình bày: không tranh luận về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị cáo đối với bị hại chỉ là 195.000.000 đồng, chứ không phải 200.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giao trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng và chiếc xe ô tô hiệu Mazda biển số 83E-006.21 vì bị cáo không sử dụng điện thoại di động vào việc phạm tội, còn chiếc xe ô tô chỉ là phương tiện di chuyển chứ không phải nơi thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo, bị hại cùng tang vật thu giữ khi bắt quả tang, tin nhắn trao đổi qua lại giữa bị cáo và bị hại thể hiện bị cáo đã chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bị hại, chứ không phải là 195.000.000 đồng như lời bào chữa của Luật sư và lời khai của bị cáo. Ngoài ra chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng bị cáo sử dụng có chứa đoạn clip quay cảnh quan hệ tình dục giữa bị cáo và bị hại; còn đối với chiếc xe ô tô hiệu Mazda bị cáo dùng để chở bị hại đến khách sạn ở Vũng Tàu và đi đến quán cà phê để nhận tiền của bà N nên cấp sơ thẩm tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 31/7/2023 bị cáo Phạm Văn T dùng điện thoại nhắn tin đe dọa sẽ tung hình ảnh, clip sex của bà Văn Thị Cẩm N với bị cáo, uy hiếp tinh thần của bà N để bà N lo sợ mà đưa số tiền 200.000.000 đồng cho bị cáo chiếm đoạt. Đến 18 giờ ngày 07/8/2023 tại quán C - địa chỉ số D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, khi bị cáo T đang nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà N thì bị Công an Q bắt quả tang. Tại phiên tòa, bị cáo T và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chỉ nhận 195.000.000 đồng từ bà N chứ không phải là 200.000.000 như bản án sơ thẩm nhận định, đề nghị giao trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone và chiếc xe ô tô hiệu Mazda biển số 83E-006.21.

Hội đồng xét xử xét thấy bị hại bà Văn Thị Cẩm N xác nhận bà và bị cáo đã thỏa thuận đưa cho bị cáo số tiền là 200.000.000 đồng. Đồng thời khi bị bắt quả tang tại quán C, Công an đã thu giữ của bị cáo 400 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng, nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo. Do đó hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra quá trình điều tra đã xác định được bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại Samsung Galaxy S9 chuyển đoạn clip quan hệ tình dục của bị cáo và bà N sang chiếc điện thoại Iphone màu trắng, rồi dùng chiếc điện thoại để nhắn tin đe dọa, uy hiếp tinh thần, ép buộc bà N đưa tiền để bị cáo chiếm đoạt, bị cáo vẫn lưu giữ đoạn clip quan hệ tình dục với bà N tại điện thoại Iphone, chỉ đưa điện thoại Samsung cho bà N xem để xóa clip đi. Bị cáo còn sử dụng chiếc xe ô tô hiệu Mazda màu trắng, biển số 83E-006.21 chở bà N đi đến Vũng Tàu thuê phòng khách sạn và sử dụng chiếc xe này đi đến quán cà phê để chiếm đoạt tiền của bà N, cấp sơ thẩm đã tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp, nên không có căn cứ để trả lại các tài sản này cho bị cáo.

[3] Về kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai báo quanh co, chối cãi thể hiện thái độ không thành khẩn, không ăn năn hối cải nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy mức án cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không xuất trình tài liệu nào mới để xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T.

[4] Lập luận trên là căn cứ để chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “ Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2023.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình cảm ứng, số Imei: 3572210367118282 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong)

- 01 xe ô tô hiệu Mazda 2, màu trắng biển số 83E-006.21, đã qua sử dụng (không rõ tình trạng bên trong xe).

- 01 điện thoại Samsung Galaxy S9, màu tím, màn hình cảm ứng, số Imei: 355220090343018 đã qua sử dụng, không rõ tình trạng máy bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ giấy màu trắng một bên màu đỏ, một bên màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 đồng hồ thông minh Apple Watch màu đen, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 065 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 7; (1)
- P.PV06- CATP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi cục THADS Quận 7; (1)
- TAND Quận 7; (1)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (25). (5)

Phạm Uyên Thy